

Số: 468/QĐ-HVTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Căn cứ Quyết định số 120/2001/QĐ-TTg ngày 17/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-BTC ngày 04/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-HVTC ngày 20/8/2010 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành Chương trình đào tạo toàn khóa áp dụng cho hệ Đại học chính quy;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-HVTC ngày 21/7/2014; số 790/QĐ-HVTC ngày 21/7/2014 của Giám đốc Học viện Tài chính về việc ban hành Chương trình đào tạo áp dụng cho hệ Liên thông đại học, Đại học văn bằng 2 loại hình chính quy;

Theo đề nghị của Hội đồng Khoa học & Đào tạo và Trưởng ban Quản lý đào tạo tại Tờ trình số 51/TTr-QLĐT ngày 06/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình đào tạo từ xa chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp, thuộc ngành Kế toán và chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, thuộc ngành Quản trị kinh doanh (có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh văn phòng; Trưởng các ban: Quản lý đào tạo, Khảo thí và Quản lý chất lượng, Công tác chính trị và sinh viên, Tổ chức cán bộ, Quản lý khoa học, Thanh tra giáo dục, Tài chính kế toán; Trưởng các khoa, Trưởng các đơn vị và sinh viên Chương trình đào tạo từ xa có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- Ban GDHV (để chỉ đạo);
- Như điều 2;
- Lưu: VT, QLĐT (5).


Nguyễn Trọng Cơ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 468/QĐ-HVTC ngày 06 / 6 / 2022 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- **TÊN CHƯƠNG TRÌNH:** Đào tạo từ xa
- **TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:** Đại học
- **NGÀNH ĐÀO TẠO:** KẾ TOÁN (Tên Tiếng Anh: ACCOUNTING)
- **MÃ NGÀNH:** 7340301
- **CHUYÊN NGÀNH:** Kế toán doanh nghiệp (Tên Tiếng Anh: Corporate Accounting)
- **MÃ CHUYÊN NGÀNH:** 21

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kế toán, chuyên ngành kế toán doanh nghiệp có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, nắm vững các kiến thức cơ bản và toàn diện về chính trị - kinh tế - xã hội; có trình độ công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững kiến thức cơ bản về tài chính, kinh doanh, quản lý kinh tế; có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp thuộc ngành Kế toán; có tư duy sáng tạo và logic; nghiên cứu độc lập, phân tích, đánh giá và hoạch định chính sách liên quan đến kế toán; có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan về tài chính, kế toán; có kỹ năng thực hành chuyên môn thành thạo về Kế toán doanh nghiệp; có tính kỷ luật tốt và tác phong chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nghiệp vụ về kế toán; có khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc trong nước và quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ, tin học):

1.2.1. Về kiến thức

M1: Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, pháp luật vào nghề nghiệp và cuộc sống.

M2: Có kiến thức nền tảng về Kế toán để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản về quản lý kinh tế, quản trị đơn vị trong môi trường làm việc thực tế.

M3: - Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

- Vận dụng tốt kiến thức về chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, kinh doanh và các lĩnh vực

liên quan khác. Cung cấp thông tin phù hợp để tham mưu, tư vấn cho các nhà quản trị ra quyết định tối ưu.

1.2.2. Về kỹ năng

M4: - Có kỹ năng nhận diện, phát hiện, thu thập, phân tích, xử lý thông tin; kỹ năng tổng hợp, đánh giá, phản biện; kỹ năng hoạch định, tổ chức điều hành; kỹ năng tự kiểm tra, giám sát chuyên môn; kỹ năng tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp; kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn cho các chủ thể quản lý liên quan đến lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp nói riêng, ngành Kế toán nói chung và các lĩnh vực khác.

- Có kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm cho người lao động.

M5: - Có kỹ năng sử dụng, vận dụng tốt Tiếng Anh và Tin học cơ bản trong công tác, chủ động và tự tin trong việc ra quyết định về chuyên môn.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo phương tiện và vận hành hệ thống phần mềm hỗ trợ phục vụ công việc kế toán doanh nghiệp.

M6: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề; kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề phức tạp và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

M7: Tin tưởng và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nội quy, quy chế của đơn vị; Có ý thức kỷ luật tốt,...

M8: Có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức và xã hội; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỉ luật cao; chủ động, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động trong nước và quốc tế.

1.2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp có cơ hội và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn được đào tạo về lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp và các lĩnh vực khác thuộc ngành Kế toán trong các công ty, tổ chức, tập đoàn trong nước và quốc tế cũng như trong các cơ quan Nhà nước; cụ thể:

+ Có thể đảm nhận ngay công việc chuyên môn như: kế toán viên, nhân viên tài chính, kiểm soát viên tại các doanh nghiệp, các tập đoàn, tổng công ty thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

+ Có thể làm việc chuyên môn tại Kiểm toán nhà nước; các công ty kiểm toán độc lập; các tổ chức tài chính-tín dụng; các cơ quan quản lý nhà nước như: Bộ TC, Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan; các Tổng cục, cục, vụ thuộc các Bộ; các đơn vị hành chính, sự nghiệp TW đến địa phương.

+ Có thể làm việc tại các công ty thiết kế phần mềm về kế toán, quản trị doanh nghiệp

+ Có khả năng khởi nghiệp cung cấp dịch vụ kế toán, tư vấn kế toán, tài chính, thuế cho các doanh nghiệp.

- Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp thuộc ngành Kế toán có thể làm giảng viên, trợ giảng, chuyên gia tư vấn, nghiên cứu viên chuyên môn về lĩnh vực Kế toán nói chung và lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp nói riêng tại các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu khoa học trên phạm vi cả nước như: các trường đại học/học viện, các viện nghiên cứu,

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn trong nước và các cơ sở đào tạo nước ngoài.

- Có khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ hành nghề chuyên nghiệp về kế toán – kiểm toán trong nước và quốc tế.

1.2.6. Về trình độ ngoại ngữ, tin học

- Trình độ ngoại ngữ: Đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014.

- Trình độ tin học: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014.

2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Về kiến thức:

2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

R1: Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ chương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào thực tế.

R2: Nắm vững những kiến thức cơ bản về Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và nhân văn để vận dụng nghiên cứu, giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

R3: Trang bị thế giới quan, nhân sinh quan theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, có quan điểm và nguyên tắc phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế, chính trị, xã hội một cách logic, khách quan, tích cực và tiến bộ.

2.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành

R4: Sinh viên nắm bắt được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra

R5: Sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, đề cập đến các vấn đề kinh tế diễn ra hàng ngày cùng các chính sách điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra

2.1.3. Kiến thức ngành và chuyên ngành

R6: - Hiểu biết đầy đủ bản chất các quy luật kinh tế - tài chính trong nền kinh tế, đặc biệt là quy luật về sự cân đối giữa tài sản và nguồn vốn trong nền kinh tế.

- Nắm vững cơ chế chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng kiến thức chuyên môn phù hợp vào thực tiễn.

- Có khả năng phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực Kế toán để nắm bắt được cơ chế vận hành của doanh nghiệp, đo lường, đánh giá được các hoạt động của doanh nghiệp; vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về kế toán tài chính, kế toán quản trị và kiểm toán căn bản. Có khả năng tự cập nhật những vấn đề mới và những thay đổi trong các lĩnh vực kế toán-kiểm toán nói chung để phục vụ cho công tác chuyên môn.

R7: Nắm vững đầy đủ, toàn diện và hệ thống các kiến thức bổ trợ chuyên ngành và có khả năng tự cập nhật kiến thức để phân tích dữ liệu, đánh giá, dự báo, quản lý, quản trị các vấn đề trong lĩnh vực khác như: kinh tế, tài chính- ngân hàng, quản trị kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.

R8: - Có kiến thức tổng hợp, toàn diện và hệ thống kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

- Có kiến thức cơ bản và nắm vững kiến thức được đào tạo, tự cập nhật các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp, ngành Kế toán và các lĩnh vực khác.

- Sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật, phần mềm chuyên dùng phục vụ công việc được đảm nhận.

2.2. Về kỹ năng:

2.2.1. Kỹ năng cứng

R9: Có kỹ năng phát hiện, xử lý các vấn đề liên quan đến chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

R10: Có kỹ năng đánh giá, phân biện các vấn đề chuyên môn liên quan đến chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

R11: Có kỹ năng tham mưu, tư vấn chuyên môn liên quan đến chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

R12: Có kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm cho người khác trong ngành Kế toán, lĩnh vực Kế toán doanh nghiệp hoặc các lĩnh vực liên quan khác.

R13: Trình độ ngoại ngữ của sinh viên hệ chính quy đạt 450 TOEIC hoặc tương đương; đạt trình độ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 hoặc tương đương.

R14: Sinh viên tốt nghiệp các chuyên ngành phải đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Khoản 1, điều 2, Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 (gồm các modul cụ thể sau: (i) Hiểu biết về CNTT cơ bản; (ii) Sử dụng máy tính cơ bản; (iii) Xử lý văn bản cơ bản; (iv) Sử dụng bảng tính cơ bản; (v) Sử dụng trình chiếu cơ bản; (vi) Sử dụng Internet cơ bản) hoặc các chứng chỉ tương đương. Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên dùng cho công tác chuyên môn kế toán, kiểm toán, tài chính.

2.2.2. Kỹ năng mềm

R15: Có kỹ năng truyền đạt vấn đề: giao tiếp và thuyết trình, ứng xử, soạn thảo văn bản...

R16: Có kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề phức tạp: làm việc nhóm; làm việc độc lập; và thiết lập duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan...

R17: Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi: tự học và sáng tạo; tiếp cận và khai thác các nguồn thông tin, hệ thống các văn bản pháp luật phục vụ công việc chuyên môn...

2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Về năng lực tự chủ

R18: Có ý thức, trách nhiệm công dân, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

R19: Có đạo đức tốt, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; Tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu.

2.3.2. Về trách nhiệm

R20: Có trách nhiệm đối với công việc, tổ chức và xã hội.

R21: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức chung về nghề nghiệp. Có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tính kỷ luật cao. Chủ động, sẵn sàng hội nhập thị trường lao động khu vực và quốc tế.

3. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài, đã tốt nghiệp từ THPT hoặc tương đương trở lên.

Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với công dân nước ngoài, phải đảm bảo năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Khối lượng kiến thức	TNPT	TN CĐ		TNĐH	
		SÓTC CT1	SÓTC CT2	SÓTC CT3	SÓTC CT4	SÓTC CT5
I	Kiến thức giáo dục đại cương	36	6	6	6	6
1	Phần bắt buộc	28	6	6	6	6
2	Phần tự chọn	8	0	0	0	0
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83	56	70	53	66
1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	3	3	3	3
2	Kiến thức cơ sở ngành	25	11	19	14	17

3	Kiến thức ngành	17	17	17	15	17
4	Kiến thức chuyên ngành	14	14	14	12	14
	<i>Phần bắt buộc</i>	12	12	12	12	12
	<i>Phần tự chọn</i>	2	2	2	0	2
5	Kiến thức bổ trợ	21	11	17	9	15
	<i>Phần bắt buộc</i>	13	9	13	9	13
	<i>Phần tự chọn</i>	8	2	4	0	2
III	Thực tập tốt nghiệp	10	5	5	10	10
	Tổng tín chỉ (I+II+III)	129	67	81	69	82

4.2. Nội dung chương trình

4.2. Nội dung chương trình

TT	Mã HP	Tên học phần/môn học	THPT	TN Cao đẳng		TN Đại học	
			Số TC CT1	Số TC CT2	Số TC CT3	Số TC CT4	Số TC CT5
A	Phần kiến thức giáo dục đại cương		36	6	6	6	6
		Phần bắt buộc	28	6	6	6	6
1	ICT0101	Nhập môn Internet và E-Learning	3	3	3	3	3
2	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	-	-	-	-
3	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	-	-	-	-
4	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	-	-	-	-
5	VPP0401	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	2	-	-	-	-
6	HVE0244N	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	-	-	-	-
7	BFL0119	Tiếng Anh cơ bản	3	-	-	-	-
8	AMA0239	Toán cao cấp	3	-	-	-	-
9	PAS0107	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	-	-	-	-
10	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	-	-	-	-
11	PSD0101	Phát triển kỹ năng cá nhân	3	3	3	3	3
		Phần tự chọn	8	0	0	0	0
12	ETH0102	Lịch sử các Học thuyết kinh tế	2	-	-	-	-
13	SOC0248	Xã hội học	2	-	-	-	-
14	MSI0056	Khoa học quản lý	2	-	-	-	-
15	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	-	-	-	-
16	IEC0099	Kinh tế quốc tế 1	2	-	-	-	-
17	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	-	-	-	-
18	DEC0098	Kinh tế phát triển	2	-	-	-	-
B.	Phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		83	56	70	53	66
	Kiến thức cơ sở khối ngành		6	3	3	3	3
19	MAE0101	Kinh tế vĩ mô 1	3	3	3	3	3
20	MIE0100	Kinh tế vi mô 1	3	-	-	-	-
	Kiến thức cơ sở ngành		25	11	19	14	17

21	SFL0115	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	-	-	-	-
22	SFL0116	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	3	3	3
23	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	4	4	4	4
24	ELA0142	Pháp luật kinh tế	3	-	-	-	3
25	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	-	3	3	3
26	FAM0192	Tài chính tiền tệ	4	4	4	4	4
27	ACO0234	Tin học ứng dụng	2	-	2	-	-
28	QEC0096	Kinh tế lượng	3	-	3	-	-
			17	17	17	15	17
	Kiến thức ngành						
29	CST0197	Thống kê doanh nghiệp	2	2	2	2	2
30	CAO0235	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	2	2	2	2
31	IAS0010	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế 1	2	2	2	2	2
32	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	3	3	3
33	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	2	2	2	2
34	FAC0048	Kế toán tài chính 1	4	4	4	4	4
35	GAC0253	Đại cương về kế toán tập đoàn	2	2	2	-	2
			14	14	14	12	14
	Kiến thức chuyên ngành						
		<i>Phần bắt buộc</i>	12	12	12	12	12
36	FAC0049	Kế toán tài chính 2	2	2	2	2	2
37	FAC0050	Kế toán tài chính 3	2	2	2	2	2
38	FAC0051	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	2	2	2	2
39	MAC0043	Kế toán quản trị 1	2	2	2	2	2
40	MAC0044	Kế toán quản trị 2	2	2	2	2	2
41	CCA0036	Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ	2	2	2	2	2
		<i>Phần tự chọn</i>	2	2	2	0	2
42	ACA0035	Kế toán doanh nghiệp nông nghiệp	2	2	2	-	2
43	BCA0037	Kế toán doanh nghiệp xây dựng	2	2	2	-	2
			21	11	17	9	15
	Kiến thức bổ trợ						
		<i>Phần bắt buộc</i>	13	9	13	9	13
44	GMA0111	Marketing căn bản	2	-	2	-	2
45	CFI0186	Tài chính doanh nghiệp 1	3	3	3	3	3
46	CFI0187	Tài chính doanh nghiệp 2	2	2	2	2	2
47	FRA0077	Kiểm toán báo cáo tài chính căn bản	2	2	2	2	2
48	TAX0215	Thuế	2	-	2	-	2
49	OAC0038	Kế toán hành chính sự nghiệp 1	2	2	2	2	2
		<i>Phần tự chọn</i>	8	2	4	0	2
50	AVA0025	Nguyên lý thẩm định giá	2	2	2	-	2
51	SMI0196	Thị trường tài chính	2	2	-	-	2

52	CBM0169	Nghiệp vụ ngân hàng	2	2	2	-	2
53	INS0001	Bảo hiểm	2	2	2	-	2
54	IEC0033	Internet & Thương mại điện tử	2	-	2	-	-
55	CCU0246	Văn hoá doanh nghiệp	2	-	-	-	2
56	PRE0144	Quan hệ công chúng	2	-	-	-	2
57	BMA0167	Quản trị kinh doanh	2	-	2	-	2
58	MMO0113	Mô hình toán kinh tế	2	-	-	-	-
59	EFA0047	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế 2 (giảng bằng tiếng Anh)	2	-	-	-	-
C	THỰC TẬP CUỐI KHÓA, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP		10	5	5	10	10
	Tổng số tín chỉ		129	67	81	69	82

- Ghi chú:*
- Chương trình đào tạo 1 dành cho sinh viên tốt nghiệp THPT, Trung cấp;
 - Chương trình đào tạo 2 dành cho sinh viên đã có bằng Cao đẳng ngành Kế toán;
 - Chương trình đào tạo 3 dành cho sinh viên đã có bằng Cao đẳng thuộc nhóm ngành: Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm; Kinh doanh; Quản trị-Quản lý; Kinh tế học;
 - Chương trình đào tạo 4 dành cho sinh viên đã có bằng Đại học thuộc nhóm ngành: Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm; Kế toán-Kiểm toán; Kinh doanh; Quản trị - Quản lý; Kinh tế học;
 - Chương trình đào tạo 5 dành cho sinh viên đã có bằng Đại học thuộc các nhóm ngành khác.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

- Chương trình đào tạo được thiết kế hoàn thành khóa học trong 4 năm với tổng 8 học kỳ đối với Chương trình 1; 2,5 năm với 5 học kỳ đối với Chương trình 3, 5 và 2,0 năm với 4 học kỳ đối với Chương trình 2, 4.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo từ xa hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

5.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên.

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

5.3. Cách thức đánh giá:

Đánh giá theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Học viện Tài chính.

5.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Chuyên ngành đào tạo xây dựng bản mô tả chương trình đào tạo chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng nội dung đặc thù phù hợp với sự phát triển của chuyên ngành và dựa trên cơ sở bản mô tả chương trình đào tạo của ngành Kế toán và chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp.

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học đại học hiện hành của Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tiến hành rà soát, cập nhật và đánh giá chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học đại học theo quy định của Bộ GD&ĐT./.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Cơ